

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DSTC-ST

Ngày: 17 - 3- 2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Minh Tư

2. Ông Phan Văn Chiêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Thiều Khánh Phương - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST-DSTC ngày 26 tháng 9 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐST-DSTC ngày 13 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DSTC ngày 01 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A; địa chỉ: Số 2 đường L, phường T, quận B, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Giám đốc.

A Hà Giang chi nhánh huyện V, tỉnh Hà Giang. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Xuân T1 - Giám đốc. Phòng giao dịch Bắc V; địa chỉ: Tổ 17 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Người được uỷ quyền lại: Ông Đinh Viết C - Phó giám đốc phụ trách PGD Bắc V (Giấy uỷ quyền số 269/UQ-NHNo.VX ngày 25/7/2022); *(có mặt)*

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1983; *(vắng mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Chí T, sinh năm 1978; *(vắng mặt)*

Bà C, ông T cùng địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện nguyên đơn Ngân hàng A Hà Giang, chi nhánh huyện V trình bày: Ngày 22/5/2018 A chi nhánh huyện V, Hà Giang - Phòng giao dịch Bắc V (sau đây

gọi tắt là A chi nhánh V) và bà Hoàng Thị C đã thoả thuận, ký kết Hợp đồng tín dụng số 8206-LAV-201800687. Theo đó A chi nhánh V - Phòng giao dịch Bắc V đồng ý cho bà Hoàng Thị C (*chồng là Hoàng Chí T*) vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), sử dụng vào mục đích chăn nuôi bò sinh sản của hộ gia đình, cho vay theo hình thức không có tài sản bảo đảm. Mức lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết là 10%/ năm. Khoản vay được Ngân sách hỗ trợ 100% lãi suất theo chương trình Nghị quyết 209/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Ngày nhận tiền vay 22/5/2018. Thời hạn cho vay 36 tháng kể từ ngày 23/5/2018.

Thời điểm trả nợ cuối cùng của bà C, ông T tại A chi nhánh V đối với khoản vay trên là ngày 22/4/2021. Các khoản vay của bà Hoàng Thị C phát sinh nợ quá hạn từ ngày 22/5/2021.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng bà C, ông T đã vi phạm cam kết về việc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: Tính đến ngày 31/7/2022 bà C đã trả được cho A chi nhánh V số tiền 29.686.740đ, trong đó: Tiền gốc 0 đồng; tiền lãi 29.686.740đ. Để thực hiện thu hồi nợ đối với bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Chí T A chi nhánh V đã kết hợp nhiều biện pháp, cụ thể: Chi nhánh đã nhiều lần gửi giấy báo nợ đến hạn, thông báo thu nợ quá hạn cho khách hàng để thông báo cũng như yêu cầu khách hàng thực hiện theo đúng cam kết trong các Hợp đồng đã ký với Ngân hàng, tuy nhiên khách hàng đều không thực hiện. Trong suốt giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2022, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bà Hoàng Thị C và ông Hoàng Chí T về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà C, ông T không thực hiện đầy đủ cam kết trả nợ với Ngân hàng gây khó khăn cho Ngân hàng trong việc thu hồi nợ, bà C không hợp tác có mặt làm việc tại Ngân hàng, ông T hiện nay đi làm ăn xa không thông báo địa chỉ chỗ ở mới để Ngân hàng liên hệ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị C và ông Hoàng Chí T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 17/3/2023 là 127.247.945đ (*Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm bốn bảy nghìn, chín trăm bốn lăm đồng*), trong đó nợ gốc 100.000.000đ; Lãi tạm tính là 27.247.945đ và các khoản lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi bà C, ông T trả hết các khoản nợ.

* Bị đơn bà Hoàng Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Chí T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố H đã ra Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bà Hoàng Thị C và ông Hoàng Chí T đến Tòa án để viết bản tự khai và lấy lời khai theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có mặt không có lý do. Toà án đã xác minh theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, trưởng thôn C, xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang đã cung cấp: Bà Hoàng Thị C và ông Hoàng Chí T là vợ chồng, có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang, ông T là lao động tự do nên thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Bà C thì ban ngày lên rừng lấy củi, làm nương nên không có mặt ở nhà. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Do bà C, ông T vắng mặt không

có lý do nên không có bản tự khai; Tòa án không ghi được lời khai, không tổ chức được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không hoà giải vụ án được.

Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Chí T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A chi nhánh V toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử vụ án 17/3/2023 là 127.247.945đ (*Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng*), buộc bà C, ông T phải tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi T toán xong toàn bộ khoản nợ.

* Tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Chí T vắng mặt nên không có lời trình bày và ý kiến đề nghị gì.

* Đại diện VKSND thành phố H phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71-BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 138, Điều 140, các Điều 280; 288; 357; 463; 466; 468 BLDS năm 2015; Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Chí T phải liên đới có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N - A chi nhánh huyện V, tỉnh Hà Giang - Phòng giao dịch Bắc V số tiền tính đến ngày 17/3/2023 là 127.247.945đ (*Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc là 100.000.000đ; lãi trong hạn là 18.183.562đ và lãi quá hạn là 9.064.384đ và các khoản lãi phát sinh kể từ các khoản nợ.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu tiền án phí DSST sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng A chi nhánh huyện V, tỉnh Hà Giang - Phòng giao dịch Bắc V có địa chỉ tại: Tổ 17 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Chí T, có địa chỉ tại: Thôn C, xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang. Hợp đồng tín dụng được ký kết tại Phòng giao dịch Bắc V thành phố H, tỉnh Hà Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ Luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà C thường xuyên đi lên rừng lấy củi, làm nương không có mặt ở nhà trong giờ hành chính nên Tòa án không tổng đạt được văn bản tố tụng; ông T đi làm ăn xa không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho ngân hàng biết được coi là cố tình che giấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Hoàng Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Chí T là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng ký kết Hợp đồng tín dụng số 8206 LAV-201800687 ngày 22/5/2018 cho bà Hoàng Thị C và ông Hoàng Chí T vay số tiền để phát triển kinh tế gia đình nhưng bà C, ông T không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, xác định tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng Tín dụng (*Hợp đồng dân sự*), được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

[4] Về nội dung: Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng với bà Hoàng Thị C theo Hợp đồng tín dụng số 8206-LAV-201800687 ngày 22/5/2018 để cho bà C vay số tiền 100.000.000,đ (*Một trăm triệu đồng*), mục đích cho vay để phát triển chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn cho vay là 36 tháng, không có tài sản bảo đảm, lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận là 10%/năm, khoản vay được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất theo chương trình Nghị quyết 209/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận, không có khiếu nại về nội dung, điều khoản của các hợp đồng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng nói trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thi hành.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Chí T phải có nghĩa vụ liên đới trả khoản tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 8206-LAV-201800687 ngày 22/5/2018 đã ký kết, do trong quá trình vay bà C, ông T vi phạm nghĩa vụ T toán, tính đến ngày 17/3/2023 số tiền còn nợ là 127.247.945đ (*Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc là 100.000.000đ; lãi thu trong hạn là

18.183.562đ và lãi thu quá hạn là 9.064.384đ là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự và phù hợp với thoả thuận của các bên.

[6] Ông Hoàng Chí T và bà Hoàng Thị C là vợ chồng, tại Giấy uỷ quyền ngày 22/5/2018 ông T đã uỷ quyền cho bà C được đại diện thay mặt ông T xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng và ký các giấy tờ, chứng từ liên quan đến khoản vay. Do đó có căn cứ xác định ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng bà C trả nợ cho Ngân hàng A chi nhánh huyện V, tỉnh Hà Giang.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà C, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 138; Điều 140; Các Điều 280; 288; 357; 463; 466; 468 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 180; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016*).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Hoàng Thị C và ông Hoàng Chí T phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng A chi nhánh huyện V, tỉnh Hà Giang thông qua Phòng giao dịch Bắc V, tổng số tiền tính đến ngày 17/3/2023 là 127.247.945đ (*Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bốn bảy nghìn chín trăm bốn trăm bốn đồng*), trong đó nợ gốc là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*); nợ lãi là 27.247.945đ (*Hai mươi bảy triệu hai trăm bốn bảy nghìn chín trăm bốn trăm bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Án phí : Buộc bà Hoàng Thị C và ông Hoàng Chí T phải chịu số tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.362.397đ (*Sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm chín bảy đồng*). Hoàn trả lại cho A chi nhánh huyện V, tỉnh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí là 3.428.000đ (*Ba triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn*

đồng) đã nộp theo Biên lai số 51BB-21P 0000760 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H (do ông *Đinh Viết C* nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Hoàng Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Chí T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG.
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Vũ Mỹ Lệ